TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Đ – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định số: 751/2023/QĐST-DS
Ngày: 22/5/2023
V/v tranh chấp thừa kế

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thành Thông

2/ Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H *tham gia phiên tòa*: Ông Tào Minh Quân– Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 452/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm2020, về việc: "Tranh chấp thừa kế".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Đình chỉ yêu cầu chia lại cho ông Vũ Nguyễn HL, bà Vũ Nguyễn ST, ông Vũ Nguyễn TL, bà Vũ Nguyễn KT, bà Vũ Nguyễn TT, ông Vũ Nguyễn NT, ông Vũ Nguyễn ĐL mỗi người 5,7 cây vàng 24k; yêu cầu trừ diện tích hai căn nhà mà bà Vũ Nguyễn ST, ông Vũ Nguyễn HL, ông Vũ Nguyễn ĐL, bà Vũ Nguyễn KT bỏ ra 410.000.000 đồng mua lại của bà Vũ Thị N và bà Trần Thị Kim H, yêu cầu buộc ông Vũ Trường CL phải trả lại cho nguyên đơn và các đồng thừa kế số tiền 42.500.000 đồng tiền xây dựng nhà cùng số tiền lãi phát sinh là 18.480.000 đồng tính từ tháng 01/2009 đến tháng 01/2020 do nguyên đơn rút lại các yêu cầu này.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Nguyễn HL, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H. Địa chỉ

liên hệ: Số 011, đường B, ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Man Ngọc H, sinh năm 1974 (theo giấy ủy quyền số công chứng 0003526 quyển số 3/2023/ TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09/3/2023 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố H). Địa chỉ: Số 246/1 đường Đ, phường T, quận T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Bà Trần Thị Huy C là Luật sư Công ty Luật TNHH MTV C – Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số 151, đường L, Phường T, quận P, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Vũ Trường CL, sinh năm 1945. Địa chỉ: Số 197/33E, đường N (số mới 200, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông HQ Vu (Vũ QH), sinh năm 1947.

2/ Bà Julie AV (Vũ Diễm TA), sinh năm 1973.

3/ Ông Danny TV (Vũ TH), sinh năm 1978.

4/ Ông AnThony V, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ:, USA.

5/ Bà Haygood LV (Vũ Diễm QN), sinh năm 1976. Địa chỉ: USA

6/ Ông Lang Nguyen DV (Vũ Nguyễn ĐL), sinh năm 1952. Địa chỉ: USA.

8/ Bà Tan TV (Vũ Nguyễn TT), sinh năm 1956. Địa chỉ: USA.

9/ Bà Kimtoi VN (Vũ Nguyễn KT), sinh năm 1963. Địa chỉ: USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông HQ Vu (Vũ QH), bà Julie AV (Vũ Diễm TA), ông Danny TV (Vũ TH), ông AnThony V, bà Haygood LV (Vũ Diễm QN), ông Lang Nguyen DV (Vũ Nguyễn ĐL), bà Tan TV (Vũ Nguyễn TT), bà Kimtoi VN (Vũ Nguyễn KT): Ông Vũ Nguyễn HL, sinh năm 1951 (theo giấy ủy quyền số chứng thực 1705 quyển số 01/2021-SCT/CK,ĐC ngày 17/12/2021; giấy ủy quyền số công chứng 1562/2021/LSCN ngày 15/12/2021 tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại H, USA; giấy ủy quyền số chứng thực: 1729 quyển số 01/2021-SCT/CK,ĐC ngày 20/12/2021, giấy ủy quyền số chứng thực: 1776 quyển số 01/2021-SCT/CK,ĐC ngày 18/12/202 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại S, USA; Giấy ủy quyền số 296.1/2022 chứng thực ngày 27/01/2022 tại Lãnh sự quán CHXHCN Việt Nam tại N). Địa chỉ thường trú: Số 197/33, đường N (số mới 202 đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H. Địa chỉ liên hệ: Số 011, đường B, ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố H.

7/ Bà Vũ Nguyễn NT, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số 168, đường Ngô Gia Tự, Phường C, Quận M, Thành phố H.

9/ Ông Vũ Nguyễn TL, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 418, đường N, Phường B, quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Nguyễn NT, ông Vũ Nguyễn TL: Ông Nguyễn Hồng Nh, sinh năm 1988 (theo giấy ủy quyền số công chứng 03874 quyển số 03/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2022 lập tại Phòng Công chứng H và giấy ủy quyền số công chứng 0004696 quyển số 3/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/3/2022 lập tại Văn phòng Công chứng N). Địa chỉ: Số 011, đường B, ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố H.

10/ Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

11/ Bà Trần Thị Y, sinh năm 1955.

12/ Ông Trần Tấn L, sinh năm 1977.

13/ Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

14/ Bà Lê Thị Mai X, sinh năm 1995.

15/ Ông Lê Hoàng Minh D, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

16/ Ông Lê Hoàng Nh, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

17/ Ông Đào Minh Kh, sinh năm 1991.

18/ Bà Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

19/ Bà Lê Thị Tr1, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

20/ Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

21/ Ông Đỗ Minh Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

22/ Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1981.

23/ Ông Nguyễn Thành Chí T1, sinh năm 1976.

24/ Bà Lê Thị Kim H2, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

25/ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

26/ Bà Nguyễn Thị Thu C. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

27/ Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1974.

28/ Bà Vũ Thị H4, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

29/ Bà Vương Thị V, sinh năm 1970.

30/ Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

31/ Bà Nguyễn Thị Thanh H5, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

32/ Ông Phu Vạn Đ1. Địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

33/ Bà Trần Thị Hoàng K1, sinh năm 1982.

34/ Ông Lê Ngọc Th2, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

35/ Bà Thái Thị Mỹ Ng2, sinh năm 1994.

36/ Ông Nguyễn Hữu Th3, sinh năm 1993.

37/ Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

38/ Bà Huỳnh Ngọc Ng3, sinh năm 1970.

39/ Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1963.

40/ Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tr2, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số 197/33, đường N (số mới 202, đường số S), Phường B, quận G, Thành phố H.

3/ Sự thỏa thuận của các đương sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Các đương sự thống nhất căn cứ theo diện tích 615,6m^2 thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 22/7/2022 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Căn cứ giá trị quyền sử dụng đất là 34.439.741.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số A.330/22/SaigonPa/HS do Công ty TNHH Thẩm định giá S tiến hành thẩm định ngày 01/10/2022 để làm căn cứ phân chia giá trị di sản được thừa kế và chỉ yêu cầu chia thừa kế phần giá trị đất không yêu cầu chia phần giá trị công trình xây dựng.

3.1/ Công nhận Di chúc công chứng số 27308, quyển số 10 TP/CC-SCC/DC lập ngày 05/10/2009 tại Phòng Công chứng số 5 là của cụ Nguyễn Thị T.

3.2/ Xác định di sản thừa kế:

Xác định căn nhà số 197/33, đường N nay là số 200, đường số S, Phường B, quận G, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4411/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 09/7/2009 là di sản của cụ Vũ Văn H và cụ Nguyễn Thị T để lại trong đó:

Di sản của cụ Vũ Văn H để lại là ½ diện tích nhà đất nêu trên là 615,6m^2 : 2 = 307,8 m^2 được chia theo thừa kế theo pháp luật

Di sản của cụ Nguyễn Thị T để lại là ½ diện tích nhà đất nêu trên là 615,6m^2 : 2 = 307,8 m^2 và 01 suất thừa kế theo pháp luật mà cụ T được hưởng từ di sản của cụ H để lại 30,78m^2 được chia thừa kế theo Di chúc công chứng số 27308, ngày 05/10/2009 của cụ T.

3.3/ Xác định hàng thừa kế:

Hàng thừa kế theo pháp luật là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vũ Văn H gồm: Cụ Nguyễn Thị T và các ông bà Vũ Trường CL, Vũ Nguyễn HL, Vũ Nguyễn ST, Vũ Nguyễn TL, Vũ Nguyễn KT, Vũ Nguyễn TT, Vũ Nguyễn NT, Vũ Nguyễn ĐL.

Hàng thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị T là ông Vũ Nguyễn HL, bà Vũ Nguyễn ST, bà Vũ Nguyễn KT và ông Vũ Nguyễn ĐL.

Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Vũ Nguyễn ST là ông HQ Vu (Vũ QH), bà Julie AV (Vũ Diễm TA), ông Danny TV (Vũ TH), ông AnThony V, bà Haygood LV (Vũ Diễm QN)

Các đương sự đều thống nhất phần di sản của cụ Vũ Văn H để lại được chia thành 10 kỷ phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 01 phần, riêng ông Vũ Nguyễn TL được hưởng 02 phần do có công sức chăm sóc cụ T và quản lý tài sản.

3.4/ Suất thừa kế mà các đương sự được thừa hưởng cụ thể:

Ông Vũ TL được hưởng phần đất có diện tích là 61,65m^2 trị giá 3.449.009.126 đồng.

Ông Vũ Trường CL được nhận phần đất có diện tích 29,5m^2 tại các vị trí 8B, 8C,16B, 17B theo Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 22/7/2022 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4411/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 09/7/2009.

Phần chênh lệch diện tích của một suất thừa kế của ông Vũ Trường CL là 30,78m^2 – 29,5m^2 = 1,28m^2 được chia đều cho ông Vũ Nguyễn HL, bà Vũ Nguyễn ST, bà Vũ Nguyễn KT, ông Vũ Nguyễn ĐL, Bà Vũ Nguyễn TT và ông Vũ Nguyễn NT.

Ông Vũ Nguyễn HL, bà Vũ Nguyễn KT, ông Vũ Nguyễn ĐL mỗi người được nhận 115,6m^2 đất trị giá 6.467.241.768 đồng

Bà Vũ Nguyễn ST do những người thừa kế của bà Tần là ông HQ Vu (Vũ QH), bà Julie AV (Vũ Diễm TA), ông Danny TV (Vũ TH), ông AnThony V, bà Haygood LV (Vũ Diễm QN) được nhận 115.6 m^2 đất trị giá 6.467.241.768 đồng.

Bà Vũ Nguyễn TT và ông Vũ Nguyễn NT mỗi người được hưởng phần đất có diện tích là 30,99m^2 trị giá 1.733.735.488 đồng

Ông Vũ Nguyễn HL, ông Vũ Nguyễn TL, bà Vũ Nguyễn KT, bà Vũ Nguyễn TT, ông Vũ Nguyễn NT, ông Vũ Nguyễn ĐL và những người thừa kế của bà Vũ Nguyễn ST là các ông HQ Vu (Vũ QH), bà Julie AV (Vũ Diễm TA), ông Danny TV (Vũ TH), ông AnThony V, bà Haygood LV (Vũ Diễm QN) cùng thống nhất để ông Vũ Nguyễn HL đứng tên đại diện tiến hành tiến hành khai nhận di sản thừa kế và đăng ký cập nhật biến động trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất nhà được hưởng thừa kế nêu trên và cùng thống nhất để ông Vũ Nguyễn HL sở hữu toàn bộ phần di sản là phần nhà đất được chia nêu trên sau khi ông Vũ Nguyễn HL thanh toán phần giá trị tương ứng với phần diện tích đất mà các đồng thừa kế được nhận.

Trường hợp nếu ông Vũ Nguyễn HL không thanh toán thì các ông (bà) Vũ Nguyễn TL, Vũ Nguyễn KT, Vũ Nguyễn TT, Vũ Nguyễn NT, Vũ Nguyễn ĐL và những người thừa kế của bà Vũ Nguyễn ST có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mại căn nhà và đất nêu trên để thi hành án theo giá trị tại thời điểm bán nhà.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Vũ Nguyễn HL, bà Vũ Nguyễn KT, ông Vũ Nguyễn ĐL, bà Vũ Nguyễn TT, ông Vũ Nguyễn NT và những người thừa kế của bà Vũ Nguyễn ST liên đới thanh toán cho ông Vũ Trường CL phần giá trị đất chênh lệch 1,28m^2 là 100.000.000 đồng và tiền cho thuê nhà 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), trả một lần trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Vũ Trường CL có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên thì hàng tháng các ông bà Vũ Nguyễn HL, Vũ Nguyễn KT, Vũ Nguyễn TT, Vũ Nguyễn NT, Vũ Nguyễn ĐL và những người thừa kế của bà Vũ Nguyễn ST còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Ông Vũ Trường CL được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh cập nhật biến động trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 29,5m được chia thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông/bà Vũ Nguyễn HL, Vũ Trường CL, Vũ Nguyễn NT, Vũ Nguyễn TT, Vũ Nguyễn ĐL, Vũ Nguyễn TL là những người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Các ông/bà HQ Vu (Vũ QH, Julie AV (Vũ Diễm TA), Haygood LV (Vũ Diễm QN), Danny TV (Vũ TH), AnThony V mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 114.467.241 đồng

Bà Kimtoi VN (Vũ Nguyễn KT) phải chịu án phí sơ thẩm là 114.467.241 đồng.

5/ Về chi phí tố tụng:

Các chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá ông Vũ Nguyễn HL tự nguyện chịu tự nguyện chịu, ông Vũ Nguyễn HL đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Tp. H;
- VKSND Cấp cao tại Tp. H;
- VKSND Tp. H;
- Cục THADS Tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy